

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 43/2017/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp
nhất kiểm toán năm 2016.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.

Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.

Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2017 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

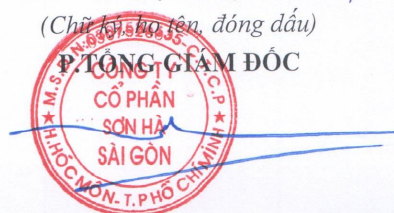
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ THỊ THANH LAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016

TP. Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Vinh Sơn	Thành viên
Ông Lê Văn Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nghiêm Phú Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Trưởng ban	Bỏ nhiệm kể từ ngày 11/05/2016
Bà Lê Thị Thu Thủy	Trưởng ban	Miễn nhiệm kể từ ngày 11/05/2016
	Thành viên	
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên	

Kế toán trưởng

Bà Ngô Thị Thanh Lan

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29/03/2017, từ trang 05 đến trang 50 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2016 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKKH Kiểm toán số 0666-2014-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2334-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		337.160.813.743	268.101.831.043
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.633.710.180	56.149.992.739
Tiền	111		26.633.710.180	25.149.992.739
Các khoản tương đương tiền	112		-	31.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	29.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	29.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.100.424.337	86.604.744.083
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	178.235.612.168	69.835.314.145
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.378.522.278	10.873.589.782
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		14.200.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.670.835.240	6.017.644.177
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.425.501.359)	(1.716.968.381)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		40.956.010	1.595.164.360
Hàng tồn kho	140	5	112.284.623.334	89.880.858.459
Hàng tồn kho	141		112.284.623.334	89.880.858.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.142.055.892	6.466.235.762
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	1.170.063.776	1.684.874.134
Thuế GTGT được khấu trừ	152		971.992.116	4.781.361.628
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.674.688.179	166.283.969.850
Các khoản phải thu dài hạn	210		707.068.000	683.068.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	707.068.000	683.068.000
Tài sản cố định	220		130.143.348.656	126.838.329.849
Tài sản cố định hữu hình	221	9	72.932.821.542	74.137.556.108
- Nguyên giá	222		101.828.760.076	94.458.500.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.895.938.534)	(20.320.944.792)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	11.474.114.482	14.296.724.702
- Nguyên giá	225		14.743.486.037	16.220.812.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.269.371.555)	(1.924.087.520)
Tài sản cố định vô hình	227	11	45.736.412.632	38.404.049.039
- Nguyên giá	228		51.132.457.444	42.601.685.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.396.044.812)	(4.197.636.405)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.431.878.523	35.674.112.589
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	31.431.878.523	35.674.112.589
Tài sản dài hạn khác	260		3.392.393.000	3.088.459.412
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	3.363.144.717	3.049.794.656
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.248.283	38.664.756
TỔNG TÀI SẢN	270		502.835.501.922	434.385.800.893

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		238.174.211.059	209.798.162.051
Nợ ngắn hạn	310		169.518.992.843	173.813.238.537
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	49.091.202.777	70.202.111.431
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.645.144.670	1.122.253.936
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.293.545.582	1.241.711.998
Phải trả người lao động	314		4.420.523.067	4.002.653.120
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	3.393.035.264	1.525.434.177
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		938.344	15.505.309
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	239.740.683	2.786.669.454
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	108.835.324.652	92.602.084.902
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		599.537.804	314.814.210
Nợ dài hạn	330		68.655.218.216	35.984.923.514
Phải trả dài hạn khác	337	14	226.138.000	304.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	18.369.307.489	35.680.423.514
Trái phiếu chuyển đổi	339	18	50.059.772.727	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		264.661.290.863	224.587.638.842
Vốn chủ sở hữu	410	19	264.661.290.863	224.587.638.842
Vốn góp của chủ sở hữu	411		201.600.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		201.600.000.000	180.000.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		(227.272.727)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.592.582.827	1.884.241.266
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.695.980.763	42.703.397.576
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.834.332.421	14.231.038.222
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		40.861.648.342	28.472.359.354
TỔNG NGUỒN VỐN	440		502.835.501.922	434.385.800.893



Lê Hoàng Hà
Chủ tịch
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2016	Năm 2015
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	682.255.872.186	516.591.264.264
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	23.554.515.215	8.143.021.006
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		658.701.356.971	508.448.243.258
Giá vốn hàng bán	11	22	546.805.994.254	406.303.774.136
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.895.362.717	102.144.469.122
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.542.754.541	473.394.224
Chi phí tài chính	22	24	11.168.077.731	6.810.674.278
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.939.542.685</i>	<i>6.660.231.295</i>
Chi phí bán hàng	25	25	42.360.205.673	46.358.869.875
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	16.160.182.292	15.175.422.903
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.749.651.562	34.272.896.290
Thu nhập khác	31	26	615.004.850	836.043.713
Chi phí khác	32	27	595.801.777	173.781.659
Lợi nhuận khác	40		19.203.073	662.262.054
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.768.854.635	34.935.158.344
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.897.789.820	6.501.463.746
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	9.416.473	(38.664.756)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.861.648.342	28.472.359.354
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		40.861.648.342	28.472.359.354
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.213	2.997
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.741	-



Lê Hoàng Hà
Chủ tịch
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		43.768.854.635	34.935.158.344
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.505.435.882	7.831.883.001
Các khoản dự phòng	03		708.532.978	19.967.245
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đổi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(146.704)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.247.279.063)	(407.784.003)
Chi phí lãi vay	06		10.939.542.685	6.660.231.295
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		65.675.087.117	49.039.309.178
(Tăng) các khoản phải thu	09		(57.237.340.142)	(33.756.574.684)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(22.403.764.875)	(34.042.482.326)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(48.867.962.020)	5.430.539.785
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		201.460.297	(788.041.535)
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.548.464.572)	(6.462.648.595)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.937.424.314)	(6.439.058.408)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		413.028.006	410.807.547
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(470.835.893)	(4.177.757.085)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(76.176.216.396)	(30.785.906.123)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.770.387.092)	(49.136.955.947)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	258.181.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.200.000.000)	(29.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		29.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7.252.945.011)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		973.706.544	392.483.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.996.680.548)	(84.739.235.521)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2016		Năm 2015	
		VND		VND	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	100.000.000.000	
Tiền thu từ đi vay	33		345.364.691.096	249.982.347.627	
Tiền trả nợ gốc vay	34		(292.968.913.703)	(180.678.203.610)	
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.473.653.668)	(2.647.248.571)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(265.509.340)	(6.667.830.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		48.656.614.385	159.989.065.446	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm					
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	(29.516.282.559)	44.463.923.802	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	146.704	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	26.633.710.180	56.149.992.739	



Lê Hoàng Hà
Chủ tịch
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 09 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 201.600.000.000 đồng (Hai trăm linh một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2016, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 3710 0101
Fax : (84-8) 6251 9574
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Định - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-004 Chấm dứt hoạt động từ ngày 16/11/2016	Thôn Phú Mỹ 1, xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Gia Lai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-006 Chấm dứt hoạt động từ ngày 16/11/2016	Tổ 12, đường Lý Thái Tổ, Phường Yên Đỗ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia lai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 81, đường 21/4, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty có 210 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2015 là 205 nhân viên).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

1.3. CHU KỶ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

1.4. CẤU TRÚC CÔNG TY

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Sơn Hà	Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Quảng Nam	100%	100%

Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Sơn Hà vẫn đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà (Công ty mẹ), Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà (Công ty con) và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.7 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 THUÊ TÀI SẢN (TIẾP)

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Từ năm 2015, quỹ dự phòng tài chính không được sử dụng và số dư quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.13 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.17 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai các Công ty con cùng Tập đoàn Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính 2016 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.560.081.619	1.476.428.583
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.073.628.561	23.673.564.156
Các khoản tương đương tiền	-	31.000.000.000
	26.633.710.180	56.149.992.739

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	5.338.625.937	-	13.746.147.060	-
Nguyên liệu, vật liệu	30.880.922.124	-	20.176.639.731	-
Công cụ, dụng cụ	127.152.197	-	119.856.812	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.621.144.413	-	2.888.876.652	-
Thành phẩm	19.985.915.517	-	11.293.431.062	-
Hàng hóa	51.330.863.146	-	41.655.907.142	-
	112.284.623.334	-	89.880.858.459	-

Hàng tồn kho có giá trị 42.427.000.000 đồng đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hàm Nghi.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	1.170.063.776	1.684.874.134
- Chi phí trả trước về thuê kho	651.666.664	425.408.329
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	286.075.162	1.074.910.239
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	232.321.950	184.555.566
Dài hạn	3.363.144.717	3.049.794.656
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.432.928.181	1.357.410.492
- Chi phí sửa chữa	196.735.378	181.504.980
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
- Chi phí mua bảo hiểm	65.515.158	111.340.130
- Các khoản khác	667.966.000	399.539.054
	4.533.208.493	4.734.668.790

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	178.235.612.168	(2.415.933.173)	69.835.314.145	(1.716.968.381)
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	17.422.790	-	828.395.745	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quang Thiên Phát	437.801.135	(437.801.135)	437.801.135	(306.460.795)
- Cửa hàng An Hưng Phát	131.644.639	(131.644.639)	159.838.439	(111.886.907)
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	988.351.216	(988.351.216)	988.351.216	(691.845.851)
- Công ty TNHH Ngô Gia Nam	15.159.650	(15.159.650)	15.159.650	(10.611.755)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.533	(822.711.533)	822.711.533	(575.898.073)
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	48.165.486.929	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư LGC Việt Nam	40.177.023.344	-	-	-
- Đại lý Thành Long - Phú Yên	20.265.000	(20.265.000)	20.265.000	(20.265.000)
- Các đối tượng khác	87.459.745.932	-	66.562.791.427	-
Dài hạn	-	-	-	-
	178.235.612.168	(2.415.933.173)	69.835.314.145	(1.716.968.381)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	17.422.790	-	828.395.745	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	48.165.486.929	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/S áp Tam Đông 2, xã Thời Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.670.835.240	(9.568.186)	6.017.644.177	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	846.288.651	-	5.109.674.195	-
- Ký cược, ký quỹ	35.000.000	-	75.100.000	-
- Thuế giá trị gia tăng chưa xuất hóa đơn - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương TP.HCM	-	-	578.632.269	-
- Kinh phí công đoàn	-	-	46.001.811	-
- Bảo hiểm xã hội	77.421.832	-	73.502.282	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-	33.261.111	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	440.816.425	(9.568.186)	101.472.509	-
- Lãi vay phải thu Công ty Cổ phần Toàn Thắng	271.308.332	-	-	-
Dài hạn	707.068.000	-	683.068.000	-
- Ký cược, ký quỹ	707.068.000	-	683.068.000	-
	2.377.903.240	(9.568.186)	6.700.712.177	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dùng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ									
01/01/2016	38.407.270.952	27.156.651.782	23.794.575.798	5.100.002.368	94.458.500.900				
- Mua trong năm	5.936.278.249	139.330.381	1.294.650.546	-	7.370.259.176				
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang	-	-	1.477.326.185	-	1.477.326.185				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.477.326.185)	-	(1.477.326.185)				
31/12/2016	44.343.549.201	27.295.982.163	25.089.226.344	5.100.002.368	101.828.760.076				
HAO MÓN LŨY KẾ									
01/01/2016	(4.876.415.271)	(9.964.243.185)	(4.787.408.853)	(692.877.483)	(20.320.944.792)				
- Khấu hao trong năm	(1.881.169.620)	(3.438.128.364)	(2.409.868.309)	(845.827.449)	(8.574.993.742)				
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang	-	-	(386.749.698)	-	(386.749.698)				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	386.749.698	-	386.749.698				
31/12/2016	(6.757.584.891)	(13.402.371.549)	(7.197.277.162)	(1.538.704.932)	(28.895.938.534)				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
01/01/2016	33.530.855.681	17.192.408.597	19.007.166.945	4.407.124.885	74.137.556.108				
31/12/2016	37.585.964.310	13.893.610.614	17.891.949.182	3.561.297.436	72.932.821.542				

Tại ngày 31/12/2016, Tài sản cố định công trình văn phòng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 25.162.869.886 đồng và 17.891.949.182 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai tại 31/12/2016 là: 20.825.034.853 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016: 3.195.864.844 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2016	16.220.812.222	16.220.812.222
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.477.326.185)	(1.477.326.185)
31/12/2016	<u>14.743.486.037</u>	<u>14.743.486.037</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2016	(1.924.087.520)	(1.924.087.520)
- Khấu hao trong năm	(1.732.033.733)	(1.732.033.733)
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	386.749.698	386.749.698
31/12/2016	<u>(3.269.371.555)</u>	<u>(3.269.371.555)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2016	<u>14.296.724.702</u>	<u>14.296.724.702</u>
31/12/2016	<u>11.474.114.482</u>	<u>11.474.114.482</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2016	42.212.725.444	388.960.000	42.601.685.444
- Mua trong năm	8.400.000.000	130.772.000	8.530.772.000
31/12/2016	<u>50.612.725.444</u>	<u>519.732.000</u>	<u>51.132.457.444</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2016	(4.135.733.285)	(61.903.120)	(4.197.636.405)
- Khấu hao trong kỳ	(1.084.154.389)	(114.254.018)	(1.198.408.407)
31/12/2016	<u>(5.219.887.674)</u>	<u>(176.157.138)</u>	<u>(5.396.044.812)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2016	<u>38.076.992.159</u>	<u>327.056.880</u>	<u>38.404.049.039</u>
31/12/2016	<u>45.392.837.770</u>	<u>343.574.862</u>	<u>45.736.412.632</u>

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m2 tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Quyền sử dụng đất (*)	31.379.151.250	25.072.093.700
- Nhà máy mở rộng	-	10.549.291.616
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam	52.727.273	52.727.273
	31.431.878.523	35.674.112.589

(*) Quyền sử dụng đất 5.786,5 m2 tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	3.393.035.264	1.525.434.177
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	2.040.348.942	480.031.351
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	851.487.332	914.199.643
- Chi phí lãi vay	501.198.990	131.203.183
Dài hạn	-	-
	3.393.035.264	1.525.434.177

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	239.740.683	2.786.669.454
- Tài sản thừa chờ giải quyết	84.990.739	2.686.329.445
- Kinh phí công đoàn	16.360.862	5.205.751
- Cổ tức phải trả	-	8.170.000
- Phải trả về cổ phần hóa	-	7.068.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	55.900.000	35.900.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.476.582	43.996.258
Dài hạn	226.138.000	304.500.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	226.138.000	304.500.000
	465.878.683	3.091.169.454

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	49.091.202.777	49.091.202.777	70.202.111.431	70.202.111.431
- Công ty TNHH Posco VST	8.942.926.799	8.942.926.799	9.616.938.054	9.616.938.054
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	8.945.920.113	8.945.920.113	19.695.821.941	19.695.821.941
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	24.196.635.912	24.196.635.912	25.720.968.442	25.720.968.442
- Công ty CP Sản Xuất Thương Mại và đầu tư Thịnh Phát	-	-	8.400.000.000	8.400.000.000
- Các đối tượng khác	2.463.088.174	2.463.088.174	2.500.427.326	2.500.427.326
Dài hạn	-	-	-	-
	49.091.202.777	49.091.202.777	70.202.111.431	70.202.111.431
Phải trả người bán là các bên liên quan	41.015.351.067	41.015.351.067	23.963.777.609	23.963.777.609
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	8.945.920.113	8.945.920.113	19.695.821.941	19.695.821.941
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	4.542.631.779	4.542.631.779	4.267.955.668	4.267.955.668
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	24.196.635.912	24.196.635.912	25.720.968.442	25.720.968.442

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	96.262.109	4.722.652.569	4.405.710.416	413.204.262
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.432.457.387	4.432.457.387	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	318.745.208	318.745.208	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	886.993.698	2.897.789.820	2.937.424.314	847.359.204
- Thuế thu nhập cá nhân	258.456.191	276.148.090	501.622.165	32.982.116
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.046.000	3.046.000	-
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
	1.241.711.998	12.657.839.074	12.606.005.490	1.293.545.582

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2016		01/01/2016			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	108.835.324.652	108.835.324.652	307.879.872.263	291.646.709.270	92.602.084.902	92.602.084.902
Vay ngắn hạn	96.459.813.466	96.459.813.466	295.364.691.096	281.956.451.715	83.051.497.328	83.051.497.328
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (1)	45.377.847.874	45.377.847.874	88.310.759.872	80.507.438.298	37.574.526.300	37.574.526.300
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Thanh Xuân (2)	-	-	10.000.000.000	24.400.000.000	14.400.000.000	14.400.000.000
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	29.759.468.617	29.759.468.617	162.756.962.280	153.841.666.415	20.844.172.752	20.844.172.752
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (4)	21.272.496.975	21.272.496.975	33.396.968.944	21.536.114.874	9.411.566.148	9.411.566.148
- Các khoản vay cá nhân (6)	50.000.000	50.000.000	900.000.000	1.500.000.000	650.000.000	650.000.000
- Công ty Cổ phần đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex (5)	-	-	-	171.232.128	171.232.128	171.232.128
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	9.512.461.988	9.512.461.988	9.500.286.555	6.340.603.887	6.352.779.320	6.352.779.320
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (7)	2.648.000.000	2.648.000.000	2.635.157.895	4.135.157.895	4.148.000.000	4.148.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (8)	974.796.000	974.796.000	975.462.672	974.796.000	974.129.328	974.129.328
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (9)	1.230.649.992	1.230.649.992	1.230.649.992	1.230.649.992	1.230.649.992	1.230.649.992
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (11)	4.659.015.996	4.659.015.996	4.659.015.996	-	-	-
Nợ thuế tài chính (10)	2.863.049.198	2.863.049.198	3.014.894.612	3.349.653.668	3.197.808.254	3.197.808.254
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	2.863.049.198	2.863.049.198	3.014.894.612	3.349.653.668	3.197.808.254	3.197.808.254

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	31/12/2016		01/01/2016			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
b, Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	18.369.307.489	18.369.307.489	-	17.311.039.268	35.680.423.514	35.680.346.757
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	15.707.578.746	15.707.578.746	-	14.172.144.656	29.879.800.159	29.879.723.402
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (9)	3.121.358.752	3.121.358.752	-	1.230.649.992	4.352.008.744	4.352.008.744
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (8)	2.330.942.000	2.330.942.000	-	975.462.672	3.306.404.672	3.306.404.672
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (7)	2.102.000.000	2.102.000.000	-	2.648.000.000	4.750.000.000	4.750.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (11)	8.153.277.994	8.153.277.994	-	9.318.031.992	17.471.386.743	17.471.309.986
Nợ thuế tài chính (10)	2.661.728.743	2.661.728.743	-	3.138.894.612	5.800.623.355	5.800.623.355
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	2.661.728.743	2.661.728.743	-	3.138.894.612	5.800.623.355	5.800.623.355
	127.204.632.141	127.204.632.141	307.879.872.263	308.957.748.538	128.282.508.416	128.282.431.659

(1) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 14/2015-HĐTDHM/NHCT944-SONHA ngày 04/06/2015 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giây nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 15/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 12 và Ông Ngô Văn Thông – Bà Lê Thị Kim.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7015218/HĐTD ngày 24/09/2015 với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức cho vay: 54.400.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
 - Tài sản đảm bảo: Không cần tài sản đảm bảo.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0048/KH/12NH ngày 02/05/2012 và hợp đồng hạn mức số 03/CV-0048/KH/12NH ngày 15/08/2014, hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 25/04/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1184/2015/HĐTDHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 30/11/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với các điều khoản:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: quy định theo từng lần nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản, hàng hóa số 081-2015/HĐTC-KHDN ngày 30/11/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam với Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai và Văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ngày 16/10/2015.
- (6) Khoản vay với Công ty Cổ phần Dầu tư và Kinh Doanh Thương mại Vinaconex và các cá nhân mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, với lãi suất 0%, thời gian vay 1 năm.
- (7) Khoản vay theo hợp đồng số 0056/KH/12DH ký ngày 28/05/2012 để hoàn vốn chủ sở hữu cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn của dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh” với các điều khoản cụ thể:
- Tổng số tiền vay: 15.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh và các công trình văn phòng nhà xưởng gắn liền với đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (8) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 37/2015 - HĐTD/NHCT944-SONHA-HYUNDAI ngày 26/10/2015 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hóm, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 09 xe oto tài Thaco Hyundai HD350;
 - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 26/10/2015;
 - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với nhưng khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
 - Tài sản đảm bảo: 09 chiếc xe tài Hyundai HD350 chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-Sonha ngày 26/10/2015 và Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và ngân hàng, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 1.764.000.000 đồng và 3.528.000.000 đồng.
- (9) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 139915/HĐTD-TD/H/DN ngày 26/06/2015, số 142315/HĐTD-TD/H/DN ngày 06/07/2015, số 163215/HĐTD-TD/H/DN ngày 28/08/2015, giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Mua xe ô tô đầu tư phục vụ vận tải;
 - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày nhận vay trên các hợp đồng tín dụng;
 - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng vào ngày đầu mỗi quý;
 - Tài sản đảm bảo: 04 xe Hyundai 120/05 tấn nhập khẩu nguyên chiếc tại Hà Quốc 100% sản xuất năm 2014 tổng giá trị đảm bảo 5.360.000.000 đồng; 01 xe Hyundai Santa Fe xăng thường model 2015 BKS 51F-240.20 với tổng giá trị đảm bảo 1.055.000.000 đồng ; 01 xe tải Hino Model FG8 JPSL, cầu Tannado Model ZT504 với tổng giá trị tài sản đảm bảo 1.918.000.000 đồng.
- (10) Thuế tài chính Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.
- (11) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 956/2015/HĐTDHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 27/10/2015 giữa Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn vay: đến ngày 12/09/2019;
 - Lãi suất: quy định theo từng lần nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại Lô 7A1, đường số 3, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX398528 (Số vào sổ cấp GCN: CT 08673) do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 19/11/2014; Toàn bộ các máy móc thiết bị theo các hợp đồng kinh tế HL-2014003 ký ngày 08/10/2014, hợp đồng số 01/HCL-AT/HĐKT-2015 ký ngày 29/04/2015, hợp đồng số 10045/2014/HĐKT-TAC ngày 15/12/2014, hợp đồng số 2404/SHCL-ĐM/HĐKT/2015, Hợp đồng số 2004-SHCL/2015/TĐ, 0204/2015/HĐXD ngày 02/04/2015, Hợp đồng số 20-04/2015/HĐKT-TCXD, hợp đồng số XTL/SHA01 ngày 11/05/2015, hợp đồng số 26/05/2015/HĐKT-TCXD, ngày 26/05/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

- Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn;
- Mã trái phiếu: SONHASAIGON_CONVERTIBLE_BOND_2016;
- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp, có chuyển đổi, không đảm bảo bằng tài sản;
- Kỳ hạn: 1 năm;
- Tổng khối lượng phát hành dự kiến: 100 tỷ đồng;
- Số đợt phát hành: 02 lần;
- Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất cố định 10,5%/năm;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi: 10%/năm;
- Khối lượng phát hành đợt 1: 50 tỷ đồng phát hành thành công ngày 30/11/2016, ngày đáo hạn đợt 1: 30/11/2017;
- Khối lượng phát hành đợt 2: 50 tỷ đồng dự kiến phát hành năm 2017;
- Kỳ hạn thanh toán lãi Trái phiếu: Tiền lãi trái phiếu được trả sau, thanh toán định kỳ 06 tháng/lần vào ngày thanh toán lãi và/hoặc ngày đáo hạn của mỗi đợt phát hành trái phiếu. Trường hợp Ngày thanh toán lãi và/hoặc Gốc trái phiếu không phải là Ngày làm việc thì Ngày thanh toán lãi và/hoặc gốc trái phiếu sẽ là Ngày làm việc tiếp theo của Ngày đó;
- Tiền gốc Trái phiếu: Trừ khi được mua lại trước hạn hoặc chuyển đổi theo các Điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu, tiền gốc Trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng tiền mặt vào Ngày đáo hạn của mỗi Đợt phát hành trái phiếu tại Trụ sở chính của Tổ chức phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quyền chọn	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	80.000.000.000	-	1.274.141.037	21.618.821.822	102.892.962.859
- Tăng vốn trong năm nay	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	28.472.359.354	28.472.359.354
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	610.100.229	(7.387.783.600)	(6.777.683.371)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	610.100.229	(610.100.229)	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(101.683.371)	(101.683.371)
+ Chia cổ tức 2014	-	-	-	(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
31/12/2015	180.000.000.000	-	1.884.241.266	42.703.397.576	224.587.638.842
01/01/2016	180.000.000.000	-	1.884.241.266	42.703.397.576	224.587.638.842
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu tăng trong năm	-	(227.272.727)	-	-	(227.272.727)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	40.861.648.342	40.861.648.342
- Phân phối lợi nhuận trong năm	21.600.000.000	-	1.708.341.561	(23.869.065.155)	(560.723.594)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.708.341.561	(1.708.341.561)	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(284.723.594)	(284.723.594)
+ Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	21.600.000.000	-	-	(21.600.000.000)	-
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
31/12/2016	201.600.000.000	(227.272.727)	3.592.582.827	59.695.980.763	264.661.290.863

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ông Lê Việt Cường	10.800.000.000	10.800.000.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	60.480.000.000	54.000.000.000
Ông Lê Hoàng Hà	11.200.000.000	9.000.000.000
Các Cổ đông khác	119.120.000.000	106.200.000.000
	201.600.000.000	180.000.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	180.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (19.4)	21.600.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	201.600.000.000	180.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	23.869.065.155	7.387.783.600

19.4 TIẾN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 80 TỶ VND LÊN 180 TỶ VND

Nội dung	Kế hoạch (VND)	Đã sử dụng đến 30/04/2016 (VND)	Đã sử dụng đến 31/12/2016 (VND)
Dự án nhà máy Chu Lai	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000
Dự án nhà máy 2 Hóc Môn	29.000.000.000	29.520.119.932	26.139.119.932
Hệ thống Chi nhánh và kho hàng	22.000.000.000	5.827.150.000	9.086.403.557
Bổ sung vốn lưu động	16.500.000.000	16.500.000.000	16.500.000.000
Tổng cộng (*)	100.000.000.000	84.347.269.932	84.225.523.489

(*) Số vốn chưa sử dụng hết từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 VND lên 180.000.000.000 VND số tiền: 15.774.476.511 đồng, Công ty cam kết sẽ tiếp tục sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng Hệ thống chi nhánh và kho hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.5 CỔ PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.160.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.160.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.160.000	18.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.160.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.160.000	18.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19.6 CÁC QUỸ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.592.582.827	1.884.241.266

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	681.414.541.623	516.013.173.682
Doanh thu cung cấp dịch vụ	841.330.563	578.090.582
	682.255.872.186	516.591.264.264
Doanh thu với các bên liên quan	6.268.874.779	6.689.002.530
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	6.268.874.779	6.689.002.530

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	18.336.590.142	2.799.987.796
Giảm giá hàng bán	1.889.000	5.189.315.210
Hàng bán bị trả lại	5.216.036.073	153.718.000
	23.554.515.215	8.143.021.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	544.650.821.871	406.036.999.275
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.155.172.383	266.774.861
	546.805.994.254	406.303.774.136

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.205.324.257	419.173.214
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	52.405.110
Doanh thu hoạt động tài chính khác	337.430.284	1.815.900
	1.542.754.541	473.394.224

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	10.939.542.685	6.660.231.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá	215.201.713	150.442.983
Chi phí tài chính khác	13.333.333	-
	11.168.077.731	6.810.674.278

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	16.160.182.292	15.175.422.903
Chi phí nhân viên	6.001.409.503	7.879.816.840
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.317.588.240	477.019.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.392.917.980	2.607.592.443
Chi phí dự phòng	708.532.978	286.660.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.883.511.529	1.009.901.591
Chi phí quản lý khác	1.856.222.062	2.914.432.034
Các khoản chi phí bán hàng	42.360.205.673	46.358.869.875
Chi phí nhân viên	22.124.576.649	18.018.657.531
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.341.213.583	3.523.035.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.968.139.495	4.360.333.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.657.330.250	12.954.071.866
Chi phí bán hàng khác	5.268.945.696	7.502.771.046
	58.520.387.965	61.534.292.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	10.000.000	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ khoản đầu tư Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	-	438.028.952
Thu tiền cho thuê tài sản	159.443.880	172.487.244
Các khoản khác	445.560.970	225.527.517
	615.004.850	836.043.713

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	10.675.374
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	159.223.608	159.223.608
Các khoản chi phí khác	436.578.169	3.882.677
	595.801.777	173.781.659

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.768.854.635	34.935.158.344
Các khoản chi phí không được khấu trừ	41.327.764	110.000.000
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	29.558.571.186	5.668.799.295
- Lợi nhuận Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	29.558.571.186	5.668.799.295
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	14.251.611.213	29.376.359.049
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.850.322.242	6.462.798.990
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(29.248.283)	38.664.756
Thuế TNDN năm 2011, 2012 phải trả	53.369.072	-
Chi phí thuế TNDN năm 2015 phải trả	23.346.789	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.897.789.820	6.501.463.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai chưa bán ra bên ngoài	146.241.416	175.748.889
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	146.241.416	175.748.889
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN hoãn lại ước tính	(29.248.283)	(38.664.756)
Thuế TNDN hoãn lại năm trước	38.664.756	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	9.416.473	(38.664.756)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

30.1 SỔ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN

	Năm 2016 CP	Năm 2015 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	18.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	2.160.000	10.000.000
Phát hành ngày 06/11/2015	-	8.168.065
Phát hành ngày 13/11/2015	-	1.831.935
Phát hành ngày 14/10/2016	2.160.000	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	18.467.507	9.499.114

30.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	40.861.648.342	28.472.359.354
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	18.467.507	9.499.114
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.213	2.997

(*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận sau thời điểm phát hành báo cáo này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2016</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	40.861.648.342
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	18.467.507
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	5.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	1.741

(*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập từ lợi nhuận trong kỳ do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận vào thời điểm kết thúc năm tài chính.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	168.594.925.598	138.875.887.715
Chi phí nhân công	33.571.611.643	30.141.675.700
Khấu hao tài sản cố định	11.284.706.338	10.713.952.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.245.515.993	14.450.064.109
Chi phí bằng tiền khác	17.377.390.566	12.187.422.223
	<u>245.074.150.138</u>	<u>206.369.001.972</u>

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.633.710.180	56.149.992.739
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	29.000.000.000
Phải thu khách hàng	175.819.678.995	68.118.345.764
Phải thu khác	1.182.884.425	859.640.509
Cộng	203.636.273.600	154.127.979.012
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	127.204.632.141	128.282.508.416
Phải trả người bán	49.091.202.777	70.202.111.431
Phải trả khác	226.138.000	311.568.000
Chi phí phải trả	3.393.035.264	1.525.434.177
Cộng	179.915.008.182	200.321.622.024
Trạng thái ròng	23.721.265.418	(46.193.643.012)

Tại ngày 31/12/2016, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Vay và nợ	104.126.308.656	23.078.323.485	127.204.632.141
Phải trả người bán	49.091.202.777	-	49.091.202.777
Phải trả khác	226.138.000	-	226.138.000
Chi phí phải trả	3.393.035.264	-	3.393.035.264
Cộng	156.836.684.697	23.078.323.485	179.915.008.182
01/01/2016			
Vay và nợ	92.602.084.902	35.680.423.514	128.282.508.416
Phải trả người bán	70.202.111.431	-	70.202.111.431
Phải trả khác	311.568.000	-	311.568.000
Chi phí phải trả	1.525.434.177	-	1.525.434.177
Cộng	164.641.198.510	35.680.423.514	200.321.622.024

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời gian quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Số liệu trong bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản trương đương tiền	26.633.710.180	-	26.633.710.180
Phải thu khách hàng	175.819.678.995	-	175.819.678.995
Phải thu khác	475.816.425	707.068.000	1.182.884.425
Cộng	202.929.205.600	707.068.000	203.636.273.600
01/01/2016			
Tiền và các khoản trương đương tiền	56.149.992.739	-	56.149.992.739
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	29.000.000.000	-	29.000.000.000
Phải thu khách hàng	68.118.345.764	-	68.118.345.764
Phải thu khác	176.572.509	683.068.000	859.640.509
Cộng	153.444.911.012	683.068.000	154.127.979.012

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Tổng cộng		Quá hạn				
	VND	(Giá trị ghi số)	Không quá hạn		Quá hạn		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
			Bị suy giảm giá trị	Tổng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
					Bị suy giảm giá trị	Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị
31/12/2016							
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.633.710.180	-	26.633.710.180	26.633.710.180	-	-	-
Phải thu khách hàng	178.292.001.879	-	175.819.678.995	175.819.678.995	-	2.472.322.884	2.472.322.884
Phải thu khác	1.182.884.425	-	1.182.884.425	1.182.884.425	-	-	-
	206.108.596.484	-	203.636.273.600	203.636.273.600	-	2.472.322.884	2.472.322.884
01/01/2016							
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.149.992.739	-	56.149.992.739	56.149.992.739	-	-	-
Các khoản cho vay	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	-
Phải thu khách hàng	70.562.475.737	-	68.118.345.764	68.118.345.764	-	2.444.129.973	2.444.129.973
Phải thu khác	859.640.509	-	859.640.509	859.640.509	-	-	-
	127.572.108.985	-	154.127.979.012	154.127.979.012	-	2.444.129.973	2.444.129.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giá trị suy giảm

	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND
31/12/2016			
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.472.322.884	2.425.501.359	46.821.525
	2.472.322.884	2.425.501.359	46.821.525
01/01/2016			
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.444.129.973	1.716.968.381	727.161.592
	2.444.129.973	1.716.968.381	727.161.592

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại + USD	102,88	102,82

34.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	1.282.835.698	12.766.012.674
- Thanh lý TSCĐ chưa thu tiền	1.210.634.136	-
- Tăng vốn từ lợi nhuận để lại	21.600.000.000	-
- Mua quyền sở hữu đất phục vụ xây dựng nhà máy chưa thanh toán	-	10.504.291.616
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	295.364.691.096	249.982.347.627
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	50.000.000.000	-
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	292.968.913.703	180.678.203.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính 2016 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty cùng Tập đoàn

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.722.336.720	1.103.871.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	276.000.000	267.988.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	94.659.629.960	280.456.459.150
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	88.179.151.115	273.510.499.277
Đi thuê tài sản	89.606.066	121.134.540
Cho thuê tài sản	-	119.582.910
Chi phí dịch vụ	121.998.000	-
Bán hàng hóa	6.268.874.779	6.705.242.423
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	43.786.806.299	-
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	43.786.806.299	-
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	12.093.385.300	-
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	12.093.385.300	-
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	41.649.315.189	8.628.989.227
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	41.608.692.783	8.589.128.257
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	20.311.203	-
Hàng bán trả lại	20.311.203	-
Cho thuê tài sản	-	39.860.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2016	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	316.590.422.310	342.110.934.661	658.701.356.971
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	316.590.422.310	342.110.934.661	658.701.356.971
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	100.317.270.569	11.578.092.148	111.895.362.717
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(58.520.387.965)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			53.374.974.752
Doanh thu hoạt động tài chính			1.542.754.541
Chi phí tài chính			(11.168.077.731)
Thu nhập khác			615.004.850
Chi phí khác			(595.801.777)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.897.789.820)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(9.416.473)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			40.861.648.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2015	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	299.440.006.037	209.008.237.221	508.448.243.258
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	299.440.006.037	209.008.237.221	508.448.243.258
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	91.950.876.174	10.193.592.948	102.144.469.122
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(61.534.292.778)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			40.610.176.344
Doanh thu hoạt động tài chính			473.394.224
Chi phí tài chính			(6.810.674.278)
Thu nhập khác			836.043.713
Chi phí khác			(173.781.659)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(6.501.463.746)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			38.664.756
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			28.472.359.354

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

34.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.



Lê Hoàng Hà
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập